TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2018/HSST
Ngày 16/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ – TỈNH HƯNG YÊN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón
***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành.

Trong ngày 16/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/HSST ngày 13 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không nghề; Chức vụ trước khi phạm tội: Cán bộ địa chính xã Yên Hòa ; trình độ học vấn : 10/10 ; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm:1934, con bà Trần Thị L, sinh năm: 1931; vợ Hà Thị D, sinh năm 1969; con: Có 2 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1998; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án, tiền sự : Chưa có. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1/ Bà Vũ Thị X, sinh năm 1936

Người đại diện theo ủy quyền của bà X là anh Trần Văn H, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Theo giấy ủy quyền ngày 27/11/2017.

2/ Ông Trần Văn M, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1948 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của ông H là: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

4/ Trần Văn Đ, sinh năm 1945 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của ông Đ là; Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

5/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

6/ Ông Trần Xuân Ph, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

7/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1960 (đã chết).

Người đại diện theo hợp pháp của bà T là: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là: Ông Trần Văn T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 11 năm 2017.

2/ Bà Phạm Thị V, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V là: Ông Trần Văn M, sinh năm 1958. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Theo giấy ủy quyền ngày 27 tháng 11 năm 2017.

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M là cán bộ địa chính của xã Y, huyện Y. Trong thời gian từ năm 1997 đến năm 1998 bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, về việc Ủy ban nhân dân xã (UBND) xã có chủ trương bán đất, cấp đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để mọi người tin tưởng và giao tiền cho bị cáo, cụ thể bị cáo đã nhận của các hộ:

1. Hộ bà Vũ Thị X 1.500.000đ để chuyển đổi 200m2 đất vườn sang đất thổ cư.
2. Hộ ông Trần Văn Đ 2.500.000đ để bị cáo mua hộ đất.
3. Hộ ông Trần Văn T 3.300.000đ để chuyển đổi đất vườn sang đất thổ cư.
4. Hộ ông Trần Xuân Ph 2.000.000đ để bị cáo mua hộ đất.
5. Hộ ông Trần Văn M 3.000.000đ để bị cáo mua hộ đất.
6. Hộ ông Trần Văn H 1.400.000đ để chuyển đổi đất vườn thành đất thổ cư.
7. Hộ bà Lê Thị T 1.500.000đ để bị cáo mua hộ đất.

Sau khi nhận tiền bị cáo không mua, không chuyển đổi đất cho hộ gia đình nào, bị cáo đã tiêu hết tiền vào mục đích cá nhân, nên không có tiền trả lại mọi người. Trong khi điều tra, khởi tố vụ án, M đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra Công an huyện Ch đã Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, đồng thời ra lệnh truy nã đối với M. Ngày 16/11/ 2017, Minh đến Công an huyện Y đầu thú.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo và gia đình đã tự thỏa thuận bồi thường cho các gia đình ông Ph 6.000.000 đồng; ông Đ 2.500.000 đồng, ông Trần Văn M số tiền 4.000.000 đồng, các gia đình đã này đã nhận đủ số tiền nên không yêu cầu bồi thường thêm gì khác.

Đối với các hộ gia đình hiện M chưa bồi thường cho rằng giá trị tiền thay đổi theo thời gian nên ông T yêu cầu M bồi thường số tiền 20.000.000, bà X, bà T yêu cầu M phải bồi thường 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-YM ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân theo khoản 1 điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa:

Bị cáo M trình bày bị cáo được giữ chức vụ cán bộ địa chính xã từ năm 1989, bị cáo không có thẩm quyền cấp đất hoặc chuyển đổi quyền sử dụng đất cho các hộ dân, giai đoạn năm 1997 – 1998 UBND xã Y không có chủ trương bán đất hoặc chuyển đổi

mục đích sử dụng đất, nhưng bị cáo tự ý đến nhà các hộ dân thuộc xã Y nói dối mọi người xã có chủ trương bán và chuyển đổi đất vườn thừa thành đất thổ cư nên mọi người tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Khi bỏ trốn bị cáo sang Trung Quốc làm thuê, bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội nào khác, vì biết không thể trốn tránh pháp luật được nên bị cáo về đầu thú, bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ các người bị hại, bị cáo đề nghị nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xuất trình giấy nhận tiền của hộ gia đình bà C.

Ông Trần Xuân Ph trình bày: Năm 1997 gia đình ông có đưa cho bị cáo 2.000.000đ, nhờ bị cáo mua hộ đất, bị cáo đến trực tiếp gia đình ông nhận tiền, gia đình ông đã được gia đình bị cáo trả lại đủ tiền, nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ông đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Lê Văn T trình bày: Năm 1998 chị gái ông có đưa cho bị cáo 1.500.000đ, nhờ bị cáo mua đất hộ, chị gái ông đã mất, không có chồng, không có con, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã trả lại đủ 1.500.000đ, nên ông không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo, ông đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Trần Văn T trình bày: Gia đình ông có đưa cho bị cáo 3.300.000đ nhờ mua đất, nhưng sau khi nhận tiền bị cáo không mua được đất cho gia đình ông, tại phiên tòa hôm nay gia đình bị cáo đã bồi thường trả ông đủ số tiền trên, nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ông đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Trần Thị T trình bày: Chồng bà có đưa cho bị cáo 1.400.000đ, để nhờ bị cáo chuyển đổi đất vườn thành đất thổ cư, sau khi nhận tiền bị cáo không làm được, tại phiên tòa hôm nay bà đã được gia đình bị cáo bồi thường trả lại toàn bộ số tiền trên, nên bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nữa, bà đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị H có ý kiến: Bà là chị gái của bị cáo, bị cáo nhờ bà đi trả tiền hộ cho các người bị hại, tiền là của bị cáo và gia đình, do vậy bà không yêu cầu đề nghị gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữa nguyên bản cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX. tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985, điểm b,s khoản 1;2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo M từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, những người bị hại đã nhận lại đủ tiền, không yêu cầu

bị cáo phải bồi thường gì khác, do vậy đề nghị HĐXX. không đặt ra giải quyết. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về án phí.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên*: Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh* : Giai đoạn năm 1997 – 1998 UBND. xã Y không có chủ chương chuyển đổi hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị cáo M là cán bộ địa chính không có thẩm quyền bán đất, cấp đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối xã có chủ trương bán đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bị cáo sẽ mua hộ được cho mọi người, làm mọi người tưởng thật và giao tiền cho bị cáo, cụ thể bị cáo đã nhận của hộ bà Vũ Thị X 1.500.000đ, hộ ông Trần Văn Đ 2.500.000đ, hộ ông Trần Văn T 3.300.000đ, hộ ông Trần Xuân Ph 2.000.000đ, hộ ông Trần Văn M 3.000.000đ, hộ ông Trần Văn H 1.400.000đ và bà Lê Thị T 1.500.000đ sau khi nhận tiền của các hộ gia đình trên bị cáo tiêu xài cá nhân hết, không chuyển đổi, không mua đất cho mọi người như đã thỏa thuận. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, nên HĐXX. có đủ căn cứ kết luật vào năm 1997 – 1998 bị cáo M đã có lời nói gian dối và chiếm đoạt 15.200.000đ của 07 hộ gia đình tại xã Y. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985, nên cáo trạng số 12 /CT-VKS-YM ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Y truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:

1.Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

[3] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã chiếm đoạt của 07 hộ gia đình nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bỏ trốn bị cáo đã về đầu thú, khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, thể hiện ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã đã bồi thường trả lại toàn bộ tiền cho những người bị hại, những người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến chính quyền địa phương, làm cho người dân mất lòng tin vào cán bộ, hành vi của bị cáo còn gây sự bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã được nhận lại đầy đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, do vậy HĐXX. không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: HĐXX. xác định bị cáo có tội, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân"*.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 ; điểm akhoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ lên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện Yên Mỹ, tỉnhHưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Yên Hòa, huyện Yên Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Xuân Quỳnh